TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **55**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23-8-2023
"V/v Ly hôn; Nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Võ Kim Ngân**

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Phước Lộc**

2. Bà **Nguyễn Tường Diễm Linh Giang**

Thư ký phiên toà: Ông **Phạm Ngọc Chí** - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Chung** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia và đình thụ lý số: 17/2023/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc:*"Ly hôn; Nuôi con chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/QĐST-HNGĐ, ngày 27/3/2023; Thông báo về việc tiếp tục phiên tòa xét xử vụ án Hôn nhân gia đình số 01/TB-TA, ngày 10/7/2023; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 36/TB-TA, ngày 21/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/QĐST-HNGĐ, ngày 07/8/2023, giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn**: Bà **Hà Như Y**, sinh năm 1993, (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Lê Bát, xã Cửa Cạn, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

2- **Bị đơn**: Ông **Phạm Lê Tr**, sinh năm 1988, (Vắng mặt lần thứ 2)

Địa chỉ: Tổ 1, Ấp 3, xã Cửa Cạn, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2022, các lời khai có trong hồ sơ nguyên đơn bà Hà Như Y trình bày: Vào năm 2017 bà Hà Như Y và ông Phạm Lê Tr quen biết nhau đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, ngày 08/8/2018. Vợ chồng có với nhau một con chung là Phạm Ngọc Ánh D, sinh ngày 08/11/2018.

Quá trình chung sống cả hai đã xảy ra rất nhiều mâu thuẫn trong hôn nhân, trong quá trình nuôi dạy con cái và trong công việc gia đình, ông Tr thiếu sự quan tâm, lo lắng trong suốt quá trình từ khi kết hôn vào năm 2017 đến nay, sau nhiều lần nói chuyện thì ông Tr không thay đổi được và không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân trầm trọng, hạnh phúc không đạt được. Bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

Về hôn nhân: Bà Y yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Lê Tr.

Về con chung: Bà Y, ông Tr có với nhau một con chung là Phạm Ngọc Ánh D, sinh ngày 08/11/2018. Bà Y yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Y không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng TMCP Phương Đông nhưng đã được Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 30/QĐST-DS, ngày 03/7/2023. Ngoài ra vợ chồng không còn nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Lê Tr ý kiến tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án:

Về hôn nhân bà Y yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Tr thì ông không đồng ý, bởi vì ông Tr vẫn còn yêu thương vợ con, nguyên nhân bà Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Tr là vì thời gian gần đây ông Tr có gây ra nợ nần, nên có nhiều người gọi điện cho bà Y để yêu cầu trả nợ, tạo sức ép cho bà Y vì vậy bà Y mới nộp đơn yêu cầu ly hôn. Từ khi kết hôn đến nay ông Tr chưa hề to tiếng hay đánh đập bà Y, hiện nay ông Tr vẫn còn thương yêu vợ con, muốn có cơ hội được sữa chữa, khắc phục để vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau nên không đồng ý ly hôn với bà Y.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì ông Tr đồng ý giao con chung là cháu Phạm Ngọc Ánh D cho bà Y chăm sóc nuôi dưỡng, bà Y không yêu cầu cấp dưỡng thì ông Tr cũng đồng ý.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng TMCP Phương Đông nhưng đã được Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 30/QĐST-DS, ngày 03/7/2023. Ngoài ra vợ chồng không còn nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và những người tham dự phiên tòa đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bà Y có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Tr vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp tại điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 51; 56 Luật hôn nhân và gia đình cho bà Hà Như Y được ly hôn với ông Phạm Lê Tr.

Về con chung: Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình giao cháu D cho bà Y chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Y không yêu cầu, đề nghị miễn xét.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, đề nghị miễn xét.

Về nợ chung: Ông Tr, bà Y nợ Ngân hàng TMCP Phương Đông nhưng đã được Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 30/QĐST-DS, ngày 03/7/2023. Nay bà Y, ông Tr xác nhận không nợ ai, đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Hà Như Y là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Phạm Lê Tr là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 228 và

Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Y, ông Tr là phù hợp.

Về hôn nhân: Bà Hà Như Y và ông Phạm Lê Tr xin đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn, ngày 08-8-2018, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Y, ông Tr là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật HNGĐ năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án bà Y xác định không thể tiếp tục chung sống với ông Tr, vì giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn với nhau được, tình trạng hôn nhân trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay, nên bà Y yêu cầu được ly hôn với ông Tr.

Xét yêu cầu của bà Y, Hội đồng xét xử thấy rằng, việc bà Y xác định khi sống chung với ông Tr giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn là phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương nơi bà Y, ông Tr sinh sống thì được biết ông Tr và bà Y thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bởi thời gian gần đây ông Tr chơi bời gây ra nợ nần tạo nhiều sức ép cho bà Y.

Xét lời nại của ông Tr về việc ông vẫn còn yêu thương bà Y, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn, tình trạng hôn nhân trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình giải quyết vụ án bà Y giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Tr. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y và quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát chấp nhận cho bà Y được ly hôn với ông Tr là phù hợp.

[2] Về con chung: Vợ chồng xác nhận có một con chung là cháu Phạm Ngọc Ánh D.

Quá trình giải quyết vụ án bà Y yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Xét yêu cầu của bà Y về việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận, cháu D hiện đang sống với bà Y nên cần thiết giao cháu D cho bà Y nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần, thể chất, trí tuệ của con chưa thành niên. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Phạm Ngọc Ánh D cho bà Y tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Không ai có quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Bà Y, ông Tr tự thỏa thuận, Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về nợ chung: Bà Y, ông Tr nợ Ngân hàng TMCP Phương Đông, nhưng đã được giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 30/QĐST-DS, ngày 03/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc. Nay bà Y, ông Tr xác nhận không nợ ai, Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí: Bà Hà Như Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 39; 147; 227; 228; 238; 266; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 9; 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Hà Như Y được ly hôn với ông Phạm Lê Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Ánh D cho bà Hà Như Y nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi đủ trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Bà Y không yêu cầu, Hội đồng xét xử miễn xét.

Không ai được quyền ngăn cản quyền gặp gỡ thăm và chăm sóc con chung. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Bà Y, ông Tr không yêu cầu, Hội đồng xét xử miễn xét.

4. Về án phí: Bà Hà Như Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0000872 ngày 04-01-2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, bà Y đã thực hiện xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành ánh án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Bà Y, ông Tr vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú) để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND thành phố Phú Quốc;*
- *T.H.A DS thành phố Phú Quốc;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Võ Kim Ngân